

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÂM
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày 03 - 5 - 2024

"V/v: Ly hôn giữa ông Giảng
với bà Hương"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM – TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Mười.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Thủy.

2. Ông Đào Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiên Đạt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm tham gia phiên tòa: Bà
Trịnh Thị Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024
về việc “Tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý Văn G, sinh năm: 1953, có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Bà Mã Thị H, sinh năm: 1984, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai, nguyên đơn ông G trình bày: Ông và bà Mã
Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện
V, tỉnh Hưng Yên và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung
sống hạnh phúc đến năm 2023 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ
chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ
chồng, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau trong cuộc sống, ông nghi ngờ bà H có
quan hệ với người đàn ông khác nhưng anh không có tài liệu, chứng cứ gì chứng

minh để nộp cho Tòa án. Vợ chồng cũng đã nhiều lần trao đổi với nhau nhưng không hàn gắn được. Từ tháng 4/2023, vợ chồng sống ly thân, trong thời gian sống ly thân, hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai chỉ biết bổn phận của người đó. Đến nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Hội đồng xét xử cho ông ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H không có con chung nên ông tự nguyện không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, ông G trình bày: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Về vay nợ: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về ruộng nông nghiệp: Ông không có ruộng nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức: Vợ chồng ông không có công sức với hai bên gia đình nên tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn bà H khai thống nhất như lời khai của ông G về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, về nợ, công sức và ruộng nông nghiệp.

Về mâu thuẫn vợ chồng bà H xác định vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau trong cuộc sống nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên nhất trí thuận tình ly hôn, bà có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về con, tài sản, công nợ bà H có lời khai như ông G trình bày trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà H đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; bà H được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng bà trình bày đề nghị Tòa án không hòa giải, đề nghị vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lý Văn G, cho ông Lý Văn G ly hôn bà Mã Thị H.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Không giải quyết.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm nhận định;

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Ông Lý Văn G yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân. Yêu cầu của ông là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Mã Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lý Văn G kết hôn với bà Mã Thị H năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông G với bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông bà đều xác định vợ chồng không còn tình cảm; do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông G cho ông ly hôn bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung*: Ông bà không có con chung, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung vợ chồng, về nợ, về ruộng nông nghiệp, về công sức*: Ông bà đều trình bày không có, tự nguyện không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lý Văn G, cho anh Lý Văn G ly hôn bà Mã Thị H.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Không giải quyết.

Về án phí: Ông Lý Văn G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ với 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 1795 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm, ông G đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự; UBND đã đăng ký kết hôn;
- VKSND, THADS huyện Văn Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Văn Mười